

Số: 238/QĐ-NXBGDVN

Hà Nội, ngày 01 tháng 4 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu

Gói thầu 08 - In SGD lớp 5, 9, 12 phục vụ năm học 2024-2025 nhập kho Cần Thơ
thuộc Dự toán mua sắm: Các gói thầu mua sắm dịch vụ in SGD tái bản bổ sung và
SGD lớp 5, 9, 12 phục vụ năm học 2024 – 2025

TỔNG GIÁM ĐỐC NHÀ XUẤT BẢN GIÁO DỤC VIỆT NAM

Căn cứ Luật Đấu thầu số 22/2023/QH15 ngày 23/6/2023;

*Căn cứ Nghị định số 24/2024/NĐ-CP ngày 27/2/2024 của Chính phủ về việc
Quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Đấu thầu về lựa chọn
nhà thầu;*

*Căn cứ Thông tư số 01/2024/TT-BKHĐT ngày 15/2/2024 của Bộ Kế hoạch
và Đầu tư về việc Hướng dẫn việc cung cấp, đăng tải thông tin về lựa chọn nhà
thầu và mẫu hồ sơ đấu thầu trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia;*

*Căn cứ Điều lệ Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên Nhà xuất bản
Giáo dục Việt Nam (NXBGDVN) ban hành kèm theo Quyết định số 1919/QĐ-
BGDDT ngày 30/6/2023 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo;*

*Căn cứ Quy chế về mua sắm hàng hóa, dịch vụ để đảm bảo tính liên tục cho
hoạt động sản xuất kinh doanh và mua sắm nhằm duy trì hoạt động thường xuyên
của Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên Nhà xuất bản Giáo dục Việt
Nam ban hành kèm theo Quyết định số 555/QĐ-NXBGDVN ngày 18/10/2023 của
Hội đồng thành viên NXBGDVN (gọi tắt là Quy chế 555) và Quyết định số
152/QĐ-NXBGDVN ngày 23/02/2024 của Hội đồng thành viên NXBGDVN về
việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy chế 555;*

*Căn cứ Nghị quyết số 89/NQ-HĐTV ngày 23/10/2023 của Hội đồng thành
viên NXBGDVN về việc thông qua kế hoạch phát hành, in, vật tư phục vụ năm
học 2024-2025 và Nghị quyết số 25/NQ-HĐTV ngày 18/3/2024 của Hội đồng
thành viên NXBGDVN về việc điều chỉnh một số nội dung tại Nghị quyết số
89/NQ-HĐTV ngày 23/10/2023;*

*Căn cứ Quyết định số 225/QĐ-NXBGDVN ngày 29/3/2024 của NXBGDVN
về việc Phê duyệt dự toán cho các gói thầu thuộc Dự toán mua sắm: Các gói thầu
mua sắm dịch vụ in SGD tái bản bổ sung và SGD lớp 5, 9, 12 phục vụ năm học
2024-2025;*

*Căn cứ Tờ trình số 680/TTr-NXBGDVN ngày 29/3/2024 của Tổng Giám đốc
NXBGDVN xin ý kiến Hội đồng thành viên phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu*

các gói thầu thuộc Dự toán mua sắm: Các gói thầu mua sắm dịch vụ in SGD tái bản bổ sung và SGD lớp 5, 9, 12 phục vụ năm học 2024-2025;

Căn cứ Báo cáo thẩm định số 10/BC-TTĐ ngày 30/3/2024 của Tổ thẩm định (thành lập theo Quyết định số 618/QĐ-NXBGDVN ngày 10/11/2023 của Tổng Giám đốc NXBGDVN) về việc báo cáo thẩm định kế hoạch lựa chọn nhà thầu các gói thầu thuộc Dự toán mua sắm: Các gói thầu mua sắm dịch vụ in SGD tái bản bổ sung và SGD lớp 5, 9, 12 phục vụ năm học 2024-2025;

Căn cứ Nghị quyết số 36/NQ-HĐTV ngày 01/4/2024 của Hội đồng thành viên NXBGDVN về việc phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu các gói thầu thuộc Dự toán mua sắm: Các gói thầu mua sắm dịch vụ in SGD tái bản bổ sung và SGD lớp 5, 9, 12 phục vụ năm học 2024-2025.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu **Gói thầu 08 - In SGD lớp 5, 9, 12 phục vụ năm học 2024-2025 nhập kho Cần Thơ** thuộc Dự toán mua sắm: Các gói thầu mua sắm dịch vụ in SGD tái bản bổ sung và SGD lớp 5,9,12 phục vụ năm học 2024 – 2025 với nội dung chi tiết theo Phụ lục đính kèm.

Điều 2. Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam chịu trách nhiệm tổ chức lựa chọn nhà thầu theo kế hoạch lựa chọn nhà thầu được duyệt đảm bảo tuân thủ các quy định hiện hành.

Ban Kiểm soát và Pháp chế chịu trách nhiệm giám sát tất cả các bước trong quá trình thực hiện hoạt động đấu thầu.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Phó Tổng Giám đốc, Chánh Văn phòng, Kế toán trưởng, Trưởng ban Kế hoạch In - Phát hành, Trưởng ban Tài chính - Kế toán, Trưởng ban Kiểm soát và Pháp chế, các đơn vị và cá nhân liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- HĐTV (để báo cáo);
- TB KS;
- TGĐ, PTGD Lê Huy, KTT;
- Các Ban: TCKT, KSPC, KHI;
- Tổ giúp việc mua sắm DVI theo QĐ 618, 165;
- P-Office;
- Website: <https://muasamcong.mpi.gov.vn>;
- Website: <https://www.nxbgd.vn>;
- Lưu: VT.

TỔNG GIÁM ĐỐC
Người đại diện theo Pháp luật *μ*



Hoàng Lê Bách

PHỤ LỤC
KẾ HOẠCH LỰA CHỌN NHÀ THẦU
GÓI THẦU 08 - IN SGD LỚP 5, 9, 12 PHỤC VỤ NĂM HỌC 2024-2025 NHẬP KHO CẦN THƠ
thuộc Dự toán mua sắm: Các gói thầu mua sắm dịch vụ in SGD tái bản bổ sung và SGD lớp 5, 9, 12 phục vụ năm học 2024-2025
(kèm theo Quyết định số 238/QĐ-NXBGDVN ngày 01 tháng 4 năm 2024)

S T T	Tên chủ đầu tư	Tên gói thầu		Lĩnh vực	Giá gói thầu (VND)	Chi tiết nguồn vốn	Hình thức lựa chọn nhà thầu	Phương thức lựa chọn nhà thầu	Thời gian tổ chức lựa chọn nhà thầu	Thời gian bắt đầu tổ chức lựa chọn nhà thầu	Loại hợp đồng	Thời gian thực hiện gói thầu	Tùy chọn mua thêm	Giám sát hoạt động đấu thầu
		Tên gói thầu	Tóm tắt công việc chính của gói thầu											
1	Công ty Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam	Gói thầu 08 - In SGD lớp 5,9,12 phục vụ năm học 2024 - 2025 nhập kho Cần Thơ	Mua sắm dịch vụ In SGD lớp 5,9,12 phục vụ năm học 2024 - 2025 nhập kho Cần Thơ	Phi tư vấn	19.291.582.729	Sản xuất kinh doanh của NXBGDVN	Đấu thầu rộng rãi trong nước, không qua mạng	Một giai đoạn một túi hồ sơ	Quý II/2024	Quý II/2024	Hợp đồng theo đơn giá cố định	240 ngày	Không	Ban Kiểm soát và Pháp chế NXB GDVN Địa chỉ : 81 Trần Hưng Đạo, Hoàn Kiếm, Hà Nội
					19.291.582.729	Bằng chữ: Mười chín tỷ, hai trăm chín mươi một triệu, năm trăm tám mươi hai nghìn, bảy trăm hai mươi chín đồng ./.								

MÔ TẢ CHI TIẾT

1. Tên, số lượng, thông tin chi tiết, giá dự toán:

a) Tên, số lượng:

- Tên: Gói thầu 08 - In SGD lớp 5, 9, 12 phục vụ năm học 2024-2025 nhập kho Cần Thơ

- Tổng số bản: 7.366.500 (bản).

- Tổng Số trang thành phẩm (ruột + bìa) nguyên khổ: 829.288.000 (trang).

b) Thông tin chi tiết

- Tên hàng hóa, dịch vụ: Mua sắm dịch vụ In SGD lớp 5, 9, 12 phục vụ năm học 2024-2025 nhập kho Cần Thơ.

- Số hiệu gói mua sắm: INSGD2024G08.

- Đặc tính kỹ thuật, yêu cầu cơ bản: Theo tiêu chuẩn kỹ thuật in sách và kỹ thuật gia công sách quy định tại Tiêu chuẩn quốc gia về Sách – Yêu cầu chung (TCVN 8694:2011); Tiêu chuẩn quốc gia về Sách giáo khoa – Yêu cầu và Phương pháp thử (TCVN 13909:2024) và các quy định cụ thể được nêu tại Hồ sơ mời thầu.

- Các yêu cầu cơ bản khác:

+ Gói thầu 08 gồm 09 phần thầu độc lập in SGD lớp 5, 9, 12 phục vụ năm học 2024-2025 nhập kho Cần Thơ.

+ Tên các phần thầu, số hiệu từng phần, tên sách, mã sách, số màu in, chủng loại giấy in, khổ sách, số trang ruột, phương pháp đóng sách, tổng số bản in, tổng số trang giấy (ruột, bìa), số lượng bản nhập kho theo các mốc tiến độ của từng phần thầu cụ thể thuộc Gói thầu 08 - In SGD lớp 5, 9, 12 phục vụ năm học 2024-2025 nhập kho Cần Thơ: chi tiết tại bảng thông kê đính kèm.

c) Giá dự toán

TT	Tên phần thầu	Số cuốn	Tổng số bản	Số trang thành phẩm (ruột + bìa) nguyên khổ	Giá dự toán gói thầu đã bao gồm VAT 8% (đồng)
TỔNG CỘNG		126	7.366.500	829.288.000	19.291.582.729
01	CT-Phần 01	15	999.000	113.004.000	2.894.738.536
02	CT-Phần 02	14	942.000	115.028.000	2.962.082.222
03	CT-Phần 03	15	956.000	114.872.000	2.920.538.767
04	CT-Phần 04	15	988.000	114.044.000	2.909.950.283
05	CT-Phần 05	15	890.000	111.332.000	2.871.570.846
06	CT-Phần 06	15	1.078.000	107.664.000	2.696.715.672
07	CT-Phần 07	13	498.000	50.964.000	668.888.725
08	CT-Phần 08	12	522.500	51.994.000	699.402.629
09	CT-Phần 09	12	493.000	50.386.000	667.695.049

- Giá gói thầu 08 (bao gồm VAT với thuế suất 8%) là: **19.291.582.729** đồng.

Bằng chữ: Mười chín tỷ, hai trăm chín mươi một triệu, năm trăm tám mươi hai nghìn, bảy trăm hai mươi chín đồng.

2. Chủ đầu tư (kiêm Bên mời thầu): Công ty TNHH một thành viên Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam (NXBGDVN).

3. Nguồn vốn: Sản xuất kinh doanh của NXBGDVN.

Phân loại KHLCNT (tại Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia): Khác.

4. Thời gian bắt đầu tổ chức lựa chọn nhà thầu: Quý II/2024.

5. Loại hợp đồng: Hợp đồng theo đơn giá cố định.

6. Thời gian thực hiện gói thầu: 240 ngày.

TÊN GÓI THẦU: GÓI THẦU 08 - IN SGD LỚP 5, 9, 12 PHỤC VỤ NĂM HỌC 2024 - 2025 NHẬP KHO CẦN THƠ

TÊN PHẦN THẦU: CT-PHẦN 01

SỐ HIỆU: INSGD2024G08

NHẬP TẠI KHO TRÀ NÓC - QUẬN Ô MÔN -TP. CẦN THƠ

TT	TÊN SÁCH	MÃ SỐ	SỐ MÀU IN		CHỮNG LOẠI		KHỔ SÁCH (cm)	SỐ TRANG RUỘT	PP ĐÓNG SÁCH	TỔNG SỐ BẢN IN	TỔNG SỐ TRANG GIẤY (NGUYÊN KHỔ)		SỐ LƯỢNG BẢN NHẬP KHO THEO CÁC MỐC TIỀN ĐỘ		
					GIẤY IN (g/m2)						RUỘT	BÌA	Đến 30/6/2024	Đến 25/7/2024	Đến 05/8/2024
			RUỘT	BÌA	RUỘT	BÌA									
1	GD thể chất 5 - KNTT	G1HH5E002H24	4	4/1	65	180	19x26,5	88	ĐL	48.000	4.224.000	192.000	24.000	15.000	9.000
2	GD công dân 9 - KNTT	G1HH9G002H24	4	4/1	65	180	19x26,5	56	ĐL	41.000	2.296.000	164.000	20.000	12.000	9.000
3	Tin học 9 - KNTT	G1HH9I002H24	4	4/1	65	180	19x26,5	92	PG	80.000	7.360.000	320.000	40.000	24.000	16.000
4	Khoa học tự nhiên 9 - KNTT	G1HH9K002H24	4	4/1	65	180	19x26,5	228	PG	65.000	14.820.000	260.000	32.000	19.000	14.000
5	Lịch sử 12 - KNTT	G1HHZS003H24	4	4/1	65	180	19x26,5	112	PG	51.000	5.712.000	204.000	25.000	15.000	11.000
6	Toán 12 tập 2 - KNTT	G1HHZT005H24	4	4/1	65	180	19x26,5	96	PG	61.000	5.856.000	244.000	30.000	18.000	13.000
7	CĐHT Ngữ văn 12 - KNTT	G1HHZV006H24	4	4/1	65	180	19x26,5	92	PG	27.000	2.484.000	108.000	15.000	12.000	0
8	Toán 5 tập 1 - CTST	G2HH5T003M24	4	4/1	65	180	19x26,5	120	PG	162.000	19.440.000	648.000	81.000	48.000	33.000
9	Công nghệ 9 - Trải nghiệm nghề nghiệp - Mô đun Nông nghiệp 4.0 - CTST	G2HH9C008M24	4	4/1	65	180	19x26,5	48	ĐL	27.000	1.296.000	108.000	15.000	12.000	0
10	Âm nhạc 9 - CTST	G2HH9R002M24	4	4/1	65	180	19x26,5	68	ĐL	101.000	6.868.000	404.000	50.000	30.000	21.000
11	Ngữ văn 9, Tập 2 - CTST	G2HH9V004M24	4	4/1	65	180	19x26,5	156	PG	119.000	18.564.000	476.000	59.000	35.000	25.000
12	GD Kinh tế và Pháp luật 12 - CTST	G2HHZY003M24	4	4/1	65	180	19x26,5	136	PG	33.000	4.488.000	132.000	20.000	13.000	0
13	GD thể chất 9 - KNTT	G3HH9E002A24	4	4/1	65	180	19x26,5	96	PG	34.000	3.264.000	136.000	20.000	14.000	0
14	HĐ trải nghiệm, hướng nghiệp 9 - CTST (bản 1)	G4HH9Q002X24	4	4/1	65	180	19x26,5	80	ĐL	122.000	9.760.000	488.000	61.000	36.000	25.000
15	HĐ trải nghiệm, hướng nghiệp 12 bản 1 - CTST	G4HHZQ002X24	4	4/2	65	180	19x26,5	92	PG	28.000	2.576.000	112.000	20.000	8.000	0
TỔNG CỘNG										999.000	109.008.000	3.996.000	512.000	311.000	176.000

TÊN GÓI THẦU: GÓI THẦU 08 - IN SGD LỚP 5, 9, 12 PHỤC VỤ NĂM HỌC 2024 - 2025 NHẬP KHO CẦN THƠ

TÊN PHẦN THẦU: CT-PHẦN 02

SỐ HIỆU: INSGD2024G08

NHẬP TẠI KHO TRÀ NÓC - QUẬN Ô MÔN -TP. CẦN THƠ

TT	TÊN SÁCH	MÃ SỐ	SỐ MÀU IN		CHUNG LOẠI		KHỔ SÁCH (cm)	SỐ TRANG RUỘT	PP ĐÓNG SÁCH	TỔNG SỐ BẢN IN	TỔNG SỐ TRANG GIẤY (NGUYÊN KHỎ)		SỐ LƯỢNG BẢN NHẬP KHO THEO CÁC MỐC TIỀN ĐỘ		
					GIẤY IN (g/m2)						RUỘT	BÌA	Đến 30/06/2024	Đến 25/7/2024	Đến 05/8/2024
			RUỘT	BÌA	RUỘT	BÌA									
1	Công nghệ 5 - KNTT	G1HH5C002H24	4	4/1	65	180	19x26,5	52	ĐL	56.000	2.912.000	224.000	28.000	18.000	10.000
2	Tin học 5 - KNTT	G1HH5I002H24	4	4/1	65	180	19x26,5	84	ĐL	55.000	4.620.000	220.000	27.000	16.000	12.000
3	Toán 5 tập 1 - KNTT	G1HH5T003H24	4	4/1	65	180	19x26,5	140	PG	60.000	8.400.000	240.000	30.000	18.000	12.000
4	Lịch sử và Địa lí 5 - KNTT	G1HH5U002H24	4	4/1	65	180	19x26,5	120	PG	54.000	6.480.000	216.000	27.000	16.000	11.000
5	Toán 9/1 - KNTT	G1HH9T003H24	4	4/1	65	180	19x26,5	120	PG	32.000	3.840.000	128.000	16.000	16.000	0
6	Ngữ văn 9, Tập 2 - KNTT	G1HH9V004H24	4	4/1	65	180	19x26,5	148	PG	35.000	5.180.000	140.000	17.000	11.000	7.000
7	CĐHT Vật lí 12 - KNTT	G1HHZL004H24	4	4/1	65	180	19x26,5	68	ĐL	28.000	1.904.000	112.000	14.000	8.000	6.000
8	CĐHT Toán 12 - KNTT	G1HHZT006H24	4	4/2	65	180	19x26,5	72	ĐL	38.000	2.736.000	152.000	19.000	12.000	7.000
9	Tiếng Việt 5 tập 1 - CTST	G2HH5V003M24	4	4/1	65	180	19x26,5	156	PG	163.000	25.428.000	652.000	81.000	48.000	34.000
10	Toán 9, Tập 2 - CTST	G2HH9T004M24	4	4/1	65	180	19x26,5	116	PG	118.000	13.688.000	472.000	59.000	35.000	24.000
11	Ngữ văn 9, Tập 1 - CTST	G2HH9V003M24	4	4/1	65	180	19x26,5	160	PG	129.000	20.640.000	516.000	64.000	38.000	27.000
12	Khoa học 5 - KNTT	G3HH5K002A24	4	4/1	65	180	19x26,5	112	PG	54.000	6.048.000	216.000	30.000	24.000	0
13	Âm nhạc 5 - KNTT	G3HH5R002A24	4	4/1	65	180	19x26,5	76	ĐL	54.000	4.104.000	216.000	30.000	24.000	0
14	Mĩ thuật 5 bản 1 - CTST	G4HH5M002X24	4	4/1	65	180	19x26,5	80	ĐL	66.000	5.280.000	264.000	33.000	20.000	13.000
TỔNG CỘNG										942.000	111.260.000	3.768.000	475.000	304.000	163.000

16/08/2024

TÊN GÓI THẦU: GÓI THẦU 08 - IN SGD LỚP 5, 9, 12 PHỤC VỤ NĂM HỌC 2024 - 2025 NHẬP KHO CẦN THƠ

TÊN PHẦN THẦU: CT-PHẦN 03

SỐ HIỆU: INSGD2024G08

NHẬP TẠI KHO TRÀ NÓC - QUẬN Ô MÔN -TP. CẦN THƠ

TT	TÊN SÁCH	MÃ SỐ	SỐ MÀU IN		CHUNG LOẠI		KHỔ SÁCH (cm)	SỐ TRANG RUỘT	PP ĐÓNG SÁCH	TỔNG SỐ BẢN IN	TỔNG SỐ TRANG GIẤY (NGUYÊN KHỔ)		SỐ LƯỢNG BÁN NHẬP KHO THEO CÁC MỐC TIỀN ĐỘ		
					GIẤY IN (g/m2)						RUỘT	BÌA	Đến 30/6/2024	Đến 25/7/2024	Đến 05/8/2024
			RUỘT	BÌA	RUỘT	BÌA									
1	Công nghệ 12 - Lâm nghiệp và Thủy sản - KNTT	G1HHZC006H24	4	4/2	65	180	19x26,5	144	PG	28.000	4.032.000	112.000	20.000	8.000	0
2	Địa lí 12 - KNTT	G1HHZD003H24	4	4/1	65	180	19x26,5	176	PG	36.000	6.336.000	144.000	20.000	16.000	0
3	Hóa học 12 - KNTT	G1HHZH003H24	4	4/1	65	180	19x26,5	144	PG	39.000	5.616.000	156.000	20.000	19.000	0
4	CĐHT Lịch sử 12 - KNTT	G1HHZS004H24	4	4/1	65	180	19x26,5	56	ĐL	21.000	1.176.000	84.000	21.000	0	0
5	Ngữ văn 12 tập 1 - KNTT	G1HHZV004H24	4	4/1	65	180	19x26,5	168	PG	46.000	7.728.000	184.000	23.000	14.000	9.000
6	GD Kinh tế và Pháp luật 12 - KNTT	G1HHZY003H24	4	4/1	65	180	19x26,5	140	PG	33.000	4.620.000	132.000	20.000	13.000	0
7	GD thể chất 5 - CTST	G2HH5E002M24	4	4/1	65	180	19x26,5	88	ĐL	156.000	13.728.000	624.000	78.000	46.000	32.000
8	Tiếng Việt 5 tập 2 - CTST	G2HH5V004M24	4	4/1	65	180	19x26,5	148	PG	144.000	21.312.000	576.000	72.000	43.000	29.000
9	Công nghệ 9 - Trải nghiệm nghề nghiệp - Mô đun Lắp đặt mạng điện trong nhà - CTST	G2HH9C005M24	4	4/1	65	180	19x26,5	52	ĐL	54.000	2.808.000	216.000	27.000	16.000	11.000
10	GD công dân 9 - CTST	G2HH9G002M24	4	4/1	65	180	19x26,5	60	ĐL	104.000	6.240.000	416.000	52.000	31.000	21.000
11	Khoa học tự nhiên 9 (- CTST)	G2HH9K002M24	4	4/1	65	180	19x26,5	216	PG	65.000	14.040.000	260.000	32.000	20.000	13.000
12	Sinh học 12 - CTST	G2HHZB003M24	4	4/1	65	180	19x26,5	196	PG	33.000	6.468.000	132.000	20.000	13.000	0
13	CĐHT Hoá học 12 - CTST	G2HHZH004M24	4	4/1	65	180	19x26,5	48	ĐL	20.000	960.000	80.000	20.000	0	0
14	Âm nhạc 9 - KNTT	G3HH9R002A24	4	4/1	65	180	19x26,5	68	ĐL	36.000	2.448.000	144.000	20.000	16.000	0
15	HD trải nghiệm 5 bản 1 - CTST	G4HH5Q002X24	4	4/1	65	180	19x26,5	96	PG	141.000	13.536.000	564.000	70.000	40.000	31.000
TỔNG CỘNG										956.000	111.048.000	3.824.000	515.000	295.000	146.000

TÊN GÓI THẦU: GÓI THẦU 08 - IN SGD LỚP 5, 9, 12 PHỤC VỤ NĂM HỌC 2024 - 2025 NHẬP KHO CẦN THƠ

TÊN PHẦN THẦU: CT-PHẦN 04

SỐ HIỆU: INSGD2024G08

NHẬP TẠI KHO TRÀ NÓC - QUẬN Ô MÔN -TP. CẦN THƠ

TT	TÊN SÁCH	MÃ SỐ	SỐ MÀU IN		CHUNG LOẠI		KHÔ SÁCH (cm)	SỐ TRANG RUỘT	PP ĐÓNG SÁCH	TỔNG SỐ BẢN IN	TỔNG SỐ TRANG GIẤY (NGUYÊN KHÔ)		SỐ LƯỢNG BẢN NHẬP KHO THEO CÁC MỐC TIỀN ĐỘ		
					GIẤY IN (g/m2)						RUỘT	BÌA	Đến 30/6/2024	Đến 25/7/2024	Đến 05/8/2024
			RUỘT	BÌA											
1	Toán 5 tập 2 - KNTT	G1HH5T004H24	4	4/1	65	180	19x26,5	136	PG	54.000	7.344.000	216.000	30.000	24.000	0
2	Tiếng Việt 5 tập 1 - KNTT	G1HH5V003H24	4	4/1	65	180	19x26,5	168	PG	63.000	10.584.000	252.000	31.000	19.000	13.000
3	Lịch sử và Địa lí 9 - KNTT	G1HH9U002H24	4	4/1	65	180	19x26,5	240	PG	35.000	8.400.000	140.000	20.000	15.000	0
4	Tin học 12 - Định hướng Tin học ứng dụng - KNTT	G1HHZI006H24	4	4/2	65	180	19x26,5	156	PG	48.000	7.488.000	192.000	24.000	15.000	9.000
5	Khoa học 5 - CTST	G2HH5K002M24	4	4/1	65	180	19x26,5	108	PG	161.000	17.388.000	644.000	80.000	48.000	33.000
6	Mĩ thuật 5 bản 2 - CTST	G2HH5M002M24	4	4/1	65	180	19x26,5	76	ĐL	111.000	8.436.000	444.000	55.000	33.000	23.000
7	Lịch sử và Địa lí 5 - CTST	G2HH5U002M24	4	4/1	65	180	19x26,5	112	PG	147.000	16.464.000	588.000	73.000	44.000	30.000
8	Tin học 9 - CTST	G2HH9I002M24	4	4/1	65	180	19x26,5	88	ĐL	59.000	5.192.000	236.000	30.000	17.000	12.000
9	Giáo dục thể chất 12 - Bóng chuyền - KNTT	G2HHZE004H24	4	4/1	65	180	19x26,5	60	ĐL	32.000	1.920.000	128.000	20.000	12.000	0
10	Giáo dục thể chất 12 - Cầu lông - KNTT	G2HHZE006M24	4	4/1	65	180	19x26,5	68	ĐL	21.000	1.428.000	84.000	21.000	0	0
11	Vật lí 12 - CTST	G2HHZL003M24	4	4/1	65	180	19x26,5	124	PG	30.000	3.720.000	120.000	20.000	10.000	0
12	Toán 12 tập 1 - CTST	G2HHZT004M24	4	4/1	65	180	19x26,5	96	PG	43.000	4.128.000	172.000	21.000	13.000	9.000
13	Ngữ văn 12 tập 2 - CTST	G2HHZV005M24	4	4/1	65	180	19x26,5	144	PG	59.000	8.496.000	236.000	30.000	17.000	12.000
14	HĐ trải nghiệm, hướng nghiệp 9 - KNTT	G3HH9Q002A24	4	4/1	65	180	19x26,5	64	ĐL	33.000	2.112.000	132.000	20.000	13.000	0
15	Mĩ thuật 9 - CTST (bản 1)	G4HH9M002X24	4	4/1	65	180	19x26,5	76	ĐL	92.000	6.992.000	368.000	46.000	27.000	19.000
TỔNG CỘNG										988.000	110.092.000	3.952.000	521.000	307.000	160.000

TÊN GÓI THẦU: GÓI THẦU 08 - IN SGD LỚP 5, 9, 12 PHỤC VỤ NĂM HỌC 2024 - 2025 NHẬP KHO CẦN THƠ

TÊN PHẦN THẦU: CT-PHẦN 05

SỐ HIỆU: INSGD2024G08

NHẬP TẠI KHO TRÀ NÓC - QUẬN Ô MÔN -TP. CẦN THƠ

TT	TÊN SÁCH	MÃ SỐ	SỐ MÀU IN		CHUNG LOẠI		KHỔ SÁCH (cm)	SỐ TRANG RUỘT	PP ĐÓNG SÁCH	TỔNG SỐ BẢN IN	TỔNG SỐ TRANG GIẤY (NGUYÊN KHÔ)		SỐ LƯỢNG BẢN NHẬP KHO THEO CÁC MỐC TIỀN ĐỘ		
					GIẤY IN (g/m2)						RUỘT	BÌA	Đến 30/6/2024	Đến 25/7/2024	Đến 05/8/2024
			RUỘT	BÌA											
1	Đạo đức 5 - KNTT	G1HH5G002H24	4	4/1	65	180	19x26,5	64	ĐL	54.000	3.456.000	216.000	30.000	16.000	8.000
2	Mĩ thuật 5 - KNTT	G1HH5M002H24	4	4/1	65	180	19x26,5	64	ĐL	52.000	3.328.000	208.000	30.000	15.000	7.000
3	Mĩ thuật 9 - KNTT	G1HH9M002H24	4	4/1	65	180	19x26,5	72	ĐL	31.000	2.232.000	124.000	20.000	11.000	0
4	Ngữ văn 9, Tập 1 - KNTT	G1HH9V003H24	4	4/1	65	180	19x26,5	152	PG	38.000	5.776.000	152.000	20.000	18.000	0
5	Sinh học 12 - KNTT	G1HHZB003H24	4	4/1	65	180	19x26,5	196	PG	33.000	6.468.000	132.000	20.000	13.000	0
6	CĐHT Hóa học 12 - KNTT	G1HHZH004H24	4	4/1	65	180	19x26,5	52	ĐL	24.000	1.248.000	96.000	15.000	9.000	0
7	HD trải nghiệm, hướng nghiệp 12 - KNTT	G1HHZQ002H24	4	4/1	65	180	19x26,5	92	PG	46.000	4.232.000	184.000	23.000	13.000	10.000
8	Toán 12 tập 1 - KNTT	G1HHZT004H24	4	4/2	65	180	19x26,5	100	PG	61.000	6.100.000	244.000	30.000	18.000	13.000
9	Ngữ văn 12 tập 2 - KNTT	G1HHZV005H24	4	4/1	65	180	19x26,5	140	PG	45.000	6.300.000	180.000	22.000	13.000	10.000
10	Công nghệ 5 - CTST	G2HH5C002M24	4	4/1	65	180	19x26,5	68	ĐL	143.000	9.724.000	572.000	70.000	42.000	31.000
11	Toán 9, Tập 1 - CTST	G2HH9T003M24	4	4/1	65	180	19x26,5	116	PG	113.000	13.108.000	452.000	56.000	33.000	24.000
12	Lịch sử và Địa lí 9 - CTST	G2HH9U002M24	4	4/1	65	180	19x26,5	248	PG	117.000	29.016.000	468.000	58.000	35.000	24.000
13	Địa lí 12 - CTST	G2HHZD003M24	4	4/1	65	180	19x26,5	176	PG	37.000	6.512.000	148.000	20.000	17.000	0
14	Lịch sử 12 - CTST	G2HHZS003M24	4	4/1	65	180	19x26,5	116	PG	42.000	4.872.000	168.000	20.000	13.000	9.000
15	HD trải nghiệm 5 - KNTT	G3HH5Q002A24	4	4/1	65	180	19x26,5	100	PG	54.000	5.400.000	216.000	27.000	16.000	11.000
TỔNG CỘNG										890.000	107.772.000	3.560.000	461.000	282.000	147.000

TÊN GÓI THẦU: GÓI THẦU 08 - IN SGD LỚP 5, 9, 12 PHỤC VỤ NĂM HỌC 2024 - 2025 NHẬP KHO CẦN THƠ

TÊN PHẦN THẦU: CT-PHẦN 06

SỐ HIỆU: INSGD2024G08

NHẬP TẠI KHO TRÀ NÓC - QUẬN Ô MÔN -TP. CẦN THƠ

TT	TÊN SÁCH	MÃ SỐ	SỐ MÀU IN		CHUNG LOẠI		KHỔ SÁCH (cm)	SỐ TRANG RUỘT	PP ĐÓNG SÁCH	TỔNG SỐ BẢN IN	TỔNG SỐ TRANG GIẤY (NGUYÊN KHỔ)		SỐ LƯỢNG BẢN NHẬP KHO THEO CÁC MỐC TIỀN ĐỘ		
					GIẤY IN (g/m2)						RUỘT	BÌA	Đến 30/6/2024	Đến 25/7/2024	Đến 05/8/2024
			RUỘT	BÌA											
1	Tiếng Việt 5 tập 2 - KNTT	G1HH5V004H24	4	4/1	65	180	19x26,5	160	PG	59.000	9.440.000	236.000	30.000	17.000	12.000
2	Toán 9/2 - KNTT	G1HH9T004H24	4	4/1	65	180	19x26,5	132	PG	33.000	4.356.000	132.000	20.000	13.000	0
3	Vật lí 12 - KNTT	G1HHZL003H24	4	4/1	65	180	19x26,5	124	PG	50.000	6.200.000	200.000	25.000	15.000	10.000
4	Đạo đức 5 - CTST	G2HH5G002M24	4	4/1	65	180	19x26,5	64	ĐL	158.000	10.112.000	632.000	79.000	47.000	32.000
5	Tin học 5 - CTST	G2HH5I002M24	4	4/1	65	180	19x26,5	68	ĐL	145.000	9.860.000	580.000	72.000	43.000	30.000
6	Âm nhạc 5 - CTST	G2HH5R002M24	4	4/1	65	180	19x26,5	60	ĐL	137.000	8.220.000	548.000	68.000	41.000	28.000
7	Toán 5 tập 2 - CTST	G2HH5T004M24	4	4/1	65	180	19x26,5	120	PG	165.000	19.800.000	660.000	82.000	49.000	34.000
8	GD thể chất 9 - CTST	G2HH9E002M24	4	4/1	65	180	19x26,5	100	PG	94.000	9.400.000	376.000	47.000	28.000	19.000
9	Mĩ thuật 9 - CTST (bản 2)	G2HH9M002M24	4	4/1	65	180	19x26,5	76	ĐL	25.000	1.900.000	100.000	15.000	10.000	0
10	Hoá học 12 - CTST	G2HHZH003M24	4	4/1	65	180	19x26,5	120	PG	36.000	4.320.000	144.000	20.000	16.000	0
11	CĐHT Lịch sử 12 - CTST	G2HHZS004M24	4	4/1	65	180	19x26,5	52	ĐL	21.000	1.092.000	84.000	21.000	0	0
12	Toán 12 tập 2 - CTST	G2HHZT005M24	4	4/1	65	180	19x26,5	96	PG	42.000	4.032.000	168.000	20.000	13.000	9.000
13	CĐHT Toán 12 - CTST	G2HHZT006M24	4	4/1	65	180	19x26,5	76	ĐL	26.000	1.976.000	104.000	16.000	10.000	0
14	Ngữ văn 12 tập 1 - CTST	G2HHZV004M24	4	4/1	65	180	19x26,5	172	PG	58.000	9.976.000	232.000	29.000	17.000	12.000
15	CĐHT Ngữ văn 12 - CTST	G2HHZV006M24	4	4/1	65	180	19x26,5	92	PG	29.000	2.668.000	116.000	20.000	9.000	0
TỔNG CỘNG										1.078.000	103.352.000	4.312.000	564.000	328.000	186.000

[Handwritten signature]

TÊN GÓI THẦU: GÓI THẦU 08 - IN SGD LỚP 5, 9, 12 PHỤC VỤ NĂM HỌC 2024 - 2025 NHẬP KHO CẦN THƠ

TÊN PHẦN THẦU: CT-PHẦN 07

SỐ HIỆU: INSGD2024G08

NHẬP TẠI KHO TRÀ NÓC - QUẬN Ô MÔN -TP. CẦN THƠ

TT	TÊN SÁCH	MÃ SỐ	SỐ MÀU IN		CHUNG LOẠI		KHỔ SÁCH (cm)	SỐ TRANG RUỘT	PP ĐÓNG SÁCH	TỔNG SỐ BẢN IN	TỔNG SỐ TRANG GIẤY (NGUYÊN KHỔ)		SỐ LƯỢNG BẢN NHẬP KHO THEO CÁC MỐC TIẾN ĐỘ		
					GIẤY IN (g/m2)						RUỘT	BÌA	RUỘT	BÌA	Đến 30/6/2024
			RUỘT	BÌA											
1	Vở bài tập Công nghệ 5 (Kết nối tri thức với cuộc sống)	G1BH5C001H24	2	4/0	65*	180	17x24	32	ĐL	16.000	512.000	64.000	16.000	0	0
2	Vở bài tập Đạo đức 5 (Kết nối tri thức với cuộc sống)	G1BH5G001H24	2	4/0	65*	180	17x24	56	ĐL	13.000	728.000	52.000	13.000	0	0
3	Vở bài tập Toán 5, tập hai (Kết nối tri thức với cuộc sống)	G1BH5T002H24	2	4/0	65*	180	17x24	136	PG	45.000	6.120.000	180.000	20.000	15.000	10.000
4	Vở bài tập Tiếng Việt 5, tập một (Kết nối tri thức với cuộc sống)	G1BH5V001H24	2	4/0	65*	180	17x24	124	PG	46.000	5.704.000	184.000	20.000	16.000	10.000
5	Vở bài tập Tin học 5 (Chân trời sáng tạo)	G2BH5I001M24	2	4/0	65*	180	17x24	80	ĐL	75.000	6.000.000	300.000	30.000	25.000	20.000
6	Vở bài tập Khoa học 5 (Chân trời sáng tạo)	G2BH5K001M24	2	4/0	65*	180	17x24	92	PG	67.000	6.164.000	268.000	30.000	20.000	17.000
7	Vở bài tập Tiếng Việt 5, tập hai (Chân trời sáng tạo)	G2BH5V002M24	2	4/0	65*	180	17x24	132	PG	114.000	15.048.000	456.000	50.000	34.000	30.000
8	Bài tập Lịch sử và Địa lí 9 - Phần Lịch sử (Chân trời sáng tạo)	G2BH9U001M24	2	4/0	65*	180	17x24	100	PG	22.000	2.200.000	88.000	12.000	10.000	0
9	Bài tập Ngữ văn 9, tập một (Chân trời sáng tạo)	G2BH9V001M24	2	4/0	65*	180	17x24	104	PG	23.000	2.392.000	92.000	13.000	10.000	0
10	Vở bài tập Hoạt động trải nghiệm 5 (Kết nối tri thức với cuộc sống)	G3BH5Q001A24	2	4/0	65*	180	17x24	80	ĐL	12.000	960.000	48.000	12.000	0	0
11	Vở bài tập Âm nhạc 5 (Kết nối tri thức với cuộc sống)	G3BH5R001A24	2	4/0	65*	180	17x24	40	ĐL	14.000	560.000	56.000	14.000	0	0
12	Vở bài tập Mĩ thuật 5 (Bản 1) (Chân trời sáng tạo)	G4BH5M001X24	4	4/0	65*	180	17x24	40	ĐL	34.000	1.360.000	136.000	20.000	14.000	0
13	Bài tập Hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp 9 (Chân trời sáng tạo) (Bản 1)	G4BH9Q001X24	2	4/0	65*	180	17x24	72	ĐL	17.000	1.224.000	68.000	17.000	0	0
TỔNG CỘNG										498.000	48.972.000	1.992.000	267.000	144.000	87.000

TÊN GÓI THẦU: GÓI THẦU 08 - IN SGD LỚP 5, 9, 12 PHỤC VỤ NĂM HỌC 2024 - 2025 NHẬP KHO CẦN THƠ

TÊN PHẦN THẦU: CT-PHẦN 08

SỐ HIỆU: INSGD2024G08

NHẬP TẠI KHO TRÀ NÓC - QUẬN Ô MÔN -TP. CẦN THƠ

TT	TÊN SÁCH	MÃ SỐ	SỐ MÀU IN		CHUNG LOẠI		KHỔ SÁCH (cm)	SỐ TRANG RUỘT	PP ĐÓNG SÁCH	TỔNG SỐ BẢN IN	TỔNG SỐ TRANG GIẤY (NGUYÊN KHỔ)		SỐ LƯỢNG BẢN NHẬP KHO THEO CÁC MỐC TIỀN ĐỘ				
			RUỘT	BÌA	GIẤY IN (g/m2)						RUỘT	BÌA	RUỘT	BÌA	Đến 30/6/2024	Đến 25/7/2024	Đến 05/8/2024
					RUỘT	BÌA											
1	Vở bài tập Tin học 5 (Kết nối tri thức với cuộc sống)	G1BH5I001H24	2	4/0	65*	180	17x24	76	ĐL	15.000	1.140.000	60.000	15.000	0	0		
2	Vở bài tập Toán 5, tập một (Kết nối tri thức với cuộc sống)	G1BH5T001H24	2	4/0	65*	180	17x24	136	PG	46.000	6.256.000	184.000	20.000	16.000	10.000		
3	Vở bài tập Tiếng Việt 5, tập hai (Kết nối tri thức với cuộc sống)	G1BH5V002H24	2	4/0	65*	180	17x24	120	PG	44.000	5.280.000	176.000	20.000	14.000	10.000		
4	Bài tập Khoa học tự nhiên 9 (Kết nối tri thức với cuộc sống)	G1BH9K001H24	2	4/0	65*	180	17x24	196	PG	10.000	1.960.000	40.000	10.000	0	0		
5	Vở bài tập Mĩ thuật 5 (Bản 2) (Chân trời sáng tạo)	G2BH5M001M24	4	4/0	65*	180	17x24	52	ĐL	56.000	2.912.000	224.000	30.000	16.000	10.000		
6	Vở bài tập Âm nhạc 5 (Chân trời sáng tạo)	G2BH5R001M24	2	4/0	65*	180	17x24	36	ĐL	64.000	2.304.000	256.000	30.000	20.000	14.000		
7	Vở bài tập Toán 5, tập hai (Chân trời sáng tạo)	G2BH5T002M24	2	4/0	65*	180	17x24	144	PG	107.000	15.408.000	428.000	50.000	37.000	20.000		
8	Vở bài tập Lịch sử và Địa lí 5 (Chân trời sáng tạo)	G2BH5U001M24	2	4/0	65*	180	17x24	100	PG	69.000	6.900.000	276.000	30.000	20.000	19.000		
9	Bài tập Công nghệ 9 (Chân trời sáng tạo) - Lắp đặt mạng điện	G2BH9C001M24	2	4/0	65*	180	17x24	44	ĐL	11.000	484.000	44.000	11.000	0	0		
10	Bài tập Toán 9, tập hai (Chân trời sáng tạo)	G2BH9T002M24	2	4/0	65*	180	17x24	116	PG	22.000	2.552.000	88.000	22.000	0	0		
11	Vở bài tập Hoạt động trải nghiệm 5 (Bản 1) (Chân trời sáng tạo)	G4BH5Q001X24	2	4/0	65*	180	17x24	68	ĐL	56.000	3.808.000	224.000	30.000	15.000	11.000		
12	Bài tập Mĩ thuật 9 (Chân trời sáng tạo) (bản 1)	G4BH9M001X24	4	4/0	65*	180	17x24	40	ĐL	22.500	900.000	90.000	22.500	0	0		
TỔNG CỘNG										522.500	49.904.000	2.090.000	290.500	138.000	94.000		

TÊN GÓI THẦU: GÓI THẦU 08 - IN SGD LỚP 5, 9, 12 PHỤC VỤ NĂM HỌC 2024 - 2025 NHẬP KHO CẦN THƠ

TÊN PHẦN THẦU: CT-PHẦN 09

SỐ HIỆU: INSGD2024G08

NHẬP TẠI KHO TRÀ NÓC - QUẬN Ô MÔN -TP. CẦN THƠ

TT	TÊN SÁCH	MÃ SỐ	SỐ MÀU IN		CHUNG LOẠI		KHỔ SÁCH (cm)	SỐ TRANG RUỘT	PP ĐÓNG SÁCH	TỔNG SỐ BẢN IN	TỔNG SỐ TRANG GIẤY (NGUYÊN KHỔ)		SỐ LƯỢNG BẢN NHẬP KHO THEO CÁC MỐC TIỀN ĐỘ		
					GIẤY IN (g/m2)						RUỘT	BÌA	Đến 30/6/2024	Đến 25/7/2024	Đến 05/8/2024
			RUỘT	BÌA	RUỘT	BÌA									
1	Vở bài tập Mỹ thuật 5 (Kết nối tri thức với cuộc sống)	G1BH5M001H24	4	4/0	65*	180	17x24	48	ĐL	16.000	768.000	64.000	16.000	0	0
2	Vở bài tập Lịch sử và Địa lí 5 (Kết nối tri thức với cuộc sống)	G1BH5U001H24	2	4/0	65*	180	17x24	108	PG	17.000	1.836.000	68.000	17.000	0	0
3	Vở bài tập Công nghệ 5 (Chân trời sáng tạo)	G2BH5C001M24	2	4/0	65*	180	17x24	44	ĐL	71.000	3.124.000	284.000	30.000	21.000	20.000
4	Vở Bài tập Đạo đức 5 (Chân trời sáng tạo)	G2BH5G001M24	2	4/0	65*	180	17x24	56	ĐL	68.000	3.808.000	272.000	30.000	20.000	18.000
5	Vở bài tập Toán 5, tập một (Chân trời sáng tạo)	G2BH5T001M24	2	4/0	65*	180	17x24	144	PG	114.000	16.416.000	456.000	50.000	34.000	30.000
6	Vở bài tập Tiếng Việt 5, tập một (Chân trời sáng tạo)	G2BH5V001M24	2	4/0	65*	180	17x24	128	PG	104.000	13.312.000	416.000	50.000	34.000	20.000
7	Bài tập Giáo dục công dân 9 (Chân trời sáng tạo)	G2BH9G001M24	2	4/0	65*	180	17x24	56	ĐL	10.500	588.000	42.000	10.500	0	0
8	Bài tập Âm nhạc 9 (Chân trời sáng tạo)	G2BH9R001M24	2	4/0	65*	180	17x24	36	ĐL	14.500	522.000	58.000	14.500	0	0
9	Bài tập Toán 9, tập một (Chân trời sáng tạo)	G2BH9T001M24	2	4/0	65*	180	17x24	112	PG	19.000	2.128.000	76.000	10.000	9.000	0
10	Bài tập Lịch sử và Địa lí 9 - Phần Địa lí (Chân trời sáng tạo)	G2BH9U002M24	2	4/0	65*	180	17x24	100	PG	20.000	2.000.000	80.000	10.000	10.000	0
11	Bài tập Ngữ văn 9, tập hai (Chân trời sáng tạo)	G2BH9V002M24	2	4/0	65*	180	17x24	108	PG	24.000	2.592.000	96.000	14.000	10.000	0
12	Vở bài tập Khoa học 5 - Kết nối tri thức với cuộc sống	G3BH5K001A24	2	4/0	65*	180	17x24	88	ĐL	15.000	1.320.000	60.000	15.000	0	0
TỔNG CỘNG										493.000	48.414.000	1.972.000	267.000	138.000	88.000

